TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NÁM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 58/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 19/4/2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Đông
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
Ông Phan Quyết Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2018/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1988; HKTT: Gò Gạo, Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội. Hiện cư trú tại: Xóm Phong Niên, xã Tân Hương, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Đặng Tiến D, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn Gò Gạo, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị và anh Đặng Tiến D kết hôn ngày 10/9/2012, có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Sau khi cưới, chị về gia đình anh D làm dâu, vợ chồng sống chung cùng gia đình chồng. Quá trình chung sống vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng sống không thông cảm cho nhau, anh D có tính gia trưởng, độc đoán, luôn gây khó khăn hạn chế các mối quan hệ của chị với bạn bè, chị có nói thì anh chửi bới, đuổi chị đi. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị có nhờ gia đình hai bên hòa giải nhưng quan hệ vợ chồng không thay đổi. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay. Chị xác định

tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Duy Q, sinh ngày 12/4/2013. Hiện cháu đang ở với anh D. Ly hôn chị đề nghị xin được nuôi con và yêu cầu anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức và đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng chị không có gì liên quan, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác, bị đơn – anh Đặng Tiến D trình bày: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do khi chị H đi làm về, anh có kiểm tra điện thoại của chị H thấy rất nhiều Wifi của nhà nghỉ gần nơi chị H làm việc, anh có hỏi thì chị H trả lời quanh co, không trung thực. Anh và gia đình đã động viên khuyên bảo nhưng chị H không thay đổi cách sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay, mỗi người mỗi nơi. Từ khi chị H bỏ nhà đi, anh đã đến gọi rất nhiều lần nhưng chị H không quay về. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đặng Duy Q, sinh ngày 12/4/2013. Hiện cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh đề nghị xin được nuôi con và tự đảm nhiệm việc nuôi con.

- Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Vợ chồng anh tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức và đất sản xuất nông nghiệp: Vợ chồng anh không có gì liên quan, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội đã xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Đặng Tiến D.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung là Đặng Duy Q, sinh 12/4/2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đặng Tiến D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3.Về tài sản, công sức, nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/02/2018 anh Đặng Tiến D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung không đồng ý ly hôn và không đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H không rút đơn xin ly hôn; anh D không rút đơn kháng cáo và bổ sung nội dung cho rằng một số tài liệu có trong hồ sơ đã bị tòa án cấp sơ thẩm làm không đúng nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm giao về giải quyết lại; các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật của Tòa án, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; Đơn kháng cáo của anh D trong hạn luật định. Về nội dung: Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh D; đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có thay đổi khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và Kiểm sát viên; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Đơn kháng cáo của anh Đặng Tiến D trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí đúng thời hạn nên được xem xét.

[1.2] Về một số tài liệu có trong hồ sơ của Tòa án cấp sơ thẩm mà anh D cho rằng đã được thu thập không đúng, thấy rằng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã công bố và yêu cầu anh D đối chiếu và đều xác nhận đúng là các chữ ký của mình ở các trang và phần cuối của "Biên bản hòa giải", "Bản tự khai" của anh D. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Đặng Tiến D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/9/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bản án sơ thẩm xác định do vợ chồng chị H, anh D sống thiếu lòng tin, thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau nên dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung để xây dựng hạnh phúc gia đình. Tuy bản thân anh D xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng chỉ nói chứ anh cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh tại chính quyền địa phương cũng như gia đình hai bên được biết, gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ vợ chồng anh chị không thay đổi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017, mỗi người mỗi nơi.

[3] Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và từ đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn

nhân và gia đình chấp nhận đơn ly hôn của chị H là có căn cứ. Sau khi có án sơ thẩm anh D kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng từ đó đến nay anh D cũng không hề gặp gỡ chị H, anh chị cũng không có trao đổi với nhau để nhắm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù chị H ban đầu muốn nghe anh D nói về việc thay đổi cách nghĩ để vợ chồng có thể ngồi lại với nhau nhưng hai bên vẫn đi đến tranh luận anh D cho rằng chị H không trung thực. Do vậy hòa giải không có kết quả, chị H kiên quyết xin được ly hôn anh D dù chịu nhiều thiệt thòi. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin đoàn tụ của anh D.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Đặng Duy Q, sinh 12/4/2013. Tại phiên tòa anh chị đều có nguyện vọng xin được nuôi cháu.

Xét việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ. Xét hiện tại anh, chị đều có công việc ổn định, có đủ khả năng để nuôi được con nhưng hiện cháu Quang mới được hơn 4 tuổi cần được sự quan tâm, chăm sóc của mẹ hơn nên tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Đặng Duy Q, sinh 12/4/2013cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.Tại cấp phúc thẩm anh D đã nộp thêm các tài liệu về nhà đất và sở tiết kiệm anh được bố mẹ tặng cho cũng như xác nhận tiền lương làm thêm để chứng minh anh có điều kiên nuôi con chung tốt hơn chị H. Tuy nhiên như đã nhận định cháu Quang con nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; thái độ của chị H và gia đình chị thể hiện sự quan tâm, nhường nhịn nên sẽ có khả năng chăm sóc tốt hơn cho cháu Quang. Bởi vậy không có cơ sở sửa án sơ thẩm để giao con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con: Hiện nay anh D đang làm việc tại Công ty cổ phần cơ khí 19/8 có mức thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng. chị H làm việc tại Công ty TNHH Hansol Electronics Việt Nam thu nhập bình quân 9.000.000đ/tháng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định " Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Do vậy, án sơ thẩm đã buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị H 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm chị H tự nguyện không yêu cầu anh D đóng góp phí tổn nuôi con, anh D đồng ý. Đây là sự tự nguyện của chị H nên ghi nhận để sửa án sơ thẩm, tạm hoãn đóng góp phí tồn cho anh D cho đến khi có thay đổi khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Anh D không phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: chị H, anh D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về công sức và đất sản xuất nông nghiệp: chị H, anh D đều xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí:

7.1 Án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

7.2 Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên anh Đặng Tiến D không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Đặng Tiến D. Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Đặng Tiến D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đặng Duy Q, sinh 12/4/2013 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở, công nợ, công sức và đất sản xuất nông nghiệp: chị H, anh D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, Hà Nội, theo biên lai thu số AC/2015/0742 ngày 30/11/2017. Nay chuyển thành án phí.

4.2 Án phí phúc thẩm: Anh Đặng Tiến D không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả anh D số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, Hà Nội, theo biên lai thu số AC/2015/0872 ngày 26/02/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND H.Sóc Sơn;
- Chi cục THA DS H.Sóc Sơn;
- Đương sự;
- UBND xã Minh Trí, H.Sóc Sơn;
- Lưu HSVA, VP.

Nguyễn Vũ Đông